

Số: 149/QĐ-CDYT

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục mức thu học phí, đào tạo liên tục, các khoản thu khác
tại Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐỒNG THÁP

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2336/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang vào Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 07/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành đơn giá dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-CDYT ngày 01/09/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp;

Căn cứ Biên bản số: 10/BB-CDYT ngày 15/10/2026 về việc Họp thống nhất về việc tiếp tục áp dụng mức thu học phí, đào tạo liên tục, các khoản thu khác tại Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục mức thu học phí, đào tạo liên tục, các khoản thu dịch vụ khác tại Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; danh mục các mức thu từ 01/9/2026; bãi bỏ các Quyết định Số: 305/QĐ-CDYT ngày 07/8/2024, Quyết định Số: 620/QĐ-CDYT ngày 03/11/2025, Quyết định Số: 577/QĐ-CDYT ngày 10/8/2026, Quyết định Số: 40/QĐ-CDYT ngày 27/01/2026, Số: 67/QĐ-CDYT ngày 09/02/2026, Quyết định Số: 56/QĐ-CDYT ngày 04/9/2025, Số: 79/QĐ-CDYT ngày 25/02/2026.

Điều 3. Ban Giám Hiệu, Phòng Khoa thuộc Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT(b/c);
- STC (b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Website;
- Lưu: VT.HC.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tấn Hưng

DANH MỤC
Mức thu của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
(Kèm theo Quyết định số 149/QĐ-CDYT ngày 15 tháng 10 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp)

I- Mức thu học phí Khóa 13 đặt hàng đào tạo; người học tại Điểm đào tạo:

Stt	Ngành, trình độ đào tạo	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026		Năm học 2026-2027	
		Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)	Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)	Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)
1	Y sỹ đa khoa trung cấp	11.800.000	1.180.000				
2	Điều dưỡng, cao đẳng	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000
3	Hộ sinh	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000
4	Dược, cao đẳng	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000
5	Kỹ thuật xét nghiệm y học, cao đẳng	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000
6	Kỹ thuật phục hồi chức năng, cao đẳng	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000

II- Mức thu học phí Khóa 13 không đặt hàng đào tạo; người học tại Điểm đào tạo:

Stt	Ngành, trình độ đào tạo	Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026		Năm học 2026-2027	
		Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)	Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)	Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)
1	Y sỹ đa khoa	16.000.000	1.600.000				
2	Điều dưỡng, cao đẳng	21.400.000	2.140.000	21.400.000	2.140.000	21.400.000	2.140.000
3	Hộ sinh, cao đẳng	20.400.000	2.040.000	20.400.000	2.040.000	20.400.000	2.040.000
4	Dược, cao đẳng	21.600.000	2.160.000	21.600.000	2.160.000	21.600.000	2.160.000
5	Kỹ thuật xét nghiệm y học, cao đẳng	20.700.000	2.070.000	20.700.000	2.070.000	20.700.000	2.070.000
6	Kỹ thuật phục hồi chức năng, cao đẳng	20.000.000	2.000.000	20.000.000	2.000.000	20.000.000	2.000.000

III- Mức thu học phí Khóa 14 đặt hàng đào tạo; người học tại Điểm đào tạo:

Stt	Ngành, trình độ đào tạo	Năm học 2025-2026		Năm học 2026-2027		Năm học 2027-2028	
		Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)	Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)	Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)
7	Y sỹ đa khoa	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000
8	Y học cổ truyền	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000
9	Điều dưỡng	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000
10	Hộ sinh	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000
11	Dược	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000
12	Kỹ thuật xét nghiệm y học	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000
13	Kỹ thuật phục hồi chức năng	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000	15.400.000	1.540.000

IV- Mức thu học phí Khóa 14 không đặt hàng đào tạo; người học tại Điểm đào tạo:

Stt	Ngành, trình độ đào tạo	Năm học 2025-2026		Năm học 2026-2027		Năm học 2027-2028	
		Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)	Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)	Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)
7	Y sỹ đa khoa	23.640.000	2.364.000	23.640.000	2.364.000	23.640.000	2.364.000
8	Y học cổ truyền	23.640.000	2.364.000	23.640.000	2.364.000	23.640.000	2.364.000
9	Điều dưỡng	25.020.000	2.502.000	25.020.000	2.502.000	25.020.000	2.502.000
10	Hộ sinh	24.170.000	2.417.000	24.170.000	2.417.000	24.170.000	2.417.000
11	Dược	25.320.000	2.532.000	25.320.000	2.532.000	25.320.000	2.532.000
12	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24.160.000	2.416.000	24.160.000	2.416.000	24.160.000	2.416.000
13	Kỹ thuật phục hồi chức năng	23.640.000	2.364.000	23.640.000	2.364.000	23.640.000	2.364.000

V- Mức thu học phí Khóa 15 đặt hàng đào tạo; người học tại Điểm đào tạo:

Stt	Ngành, trình độ đào tạo	Năm học 2026-2027		Năm học 2027-2028		Năm học 2028-2029	
		Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)	Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)	Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)
1	Y sĩ đa khoa	29.000.000	2.900.000	29.000.000	2.900.000	29.000.000	2.900.000
2	Y học cổ truyền	29.000.000	2.900.000	29.000.000	2.900.000	29.000.000	2.900.000
3	Điều dưỡng	30.000.000	3.000.000	30.000.000	3.000.000	30.000.000	3.000.000
4	Hộ sinh	29.000.000	2.900.000	29.000.000	2.900.000	29.000.000	2.900.000
5	Dược	31.000.000	3.100.000	31.000.000	3.100.000	31.000.000	3.100.000
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	31.000.000	3.100.000	31.000.000	3.100.000	31.000.000	3.100.000
7	Kỹ thuật phục hồi chức năng	29.000.000	2.900.000	29.000.000	2.900.000	29.000.000	2.900.000

VI- Mức thu học phí đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; người học tại Trụ sở chính và Điểm đào tạo:

Stt	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn	Học phí (đồng)
1	Cập nhật kiến thức chuyên môn về Dược (12 giờ)	500.000
2	Các lớp đào tạo liên tục, cập nhật kiến thức y khoa có chương trình đào tạo 24 tiết (giờ)	450.000
3	Các lớp đào tạo liên tục, cập nhật kiến thức y khoa có chương trình đào tạo 40 tiết (giờ)	750.000
4	Các lớp đào tạo liên tục, cập nhật kiến thức y khoa có chương trình đào tạo 48 tiết (giờ)	800.000
5	Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, tập huấn khác	Thu học phí theo kế hoạch được Ban Giám hiệu phê duyệt

VII- Mức thu học phí các lớp sơ cấp, thường xuyên năm 2026; người học tại Trụ sở chính và Điểm đào tạo:

Stt	Ngành, trình độ, thời gian đào tạo	Học phí (đồng)
1	Xoa bóp – Bấm huyệt	3.000.000
2	Nhân viên Y tế thôn bản	3.500.000
3	Chăm sóc sắc đẹp	3.000.000

Mức thu học phí Người học đang học và trúng tuyển năm 2026 tại Trụ sở chính:**- VIII- Học phí:**

Đơn vị tính: đồng/sinh viên/năm

STT	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	2025 - 2026	2026 - 2027
<i>Mức tăng học phí năm sau so với năm trước</i>			
1	Bậc Cao đẳng hình thức đào tạo chính quy	23.800.000	28.000.000
2	Bậc Cao đẳng hình thức đào tạo VLVH	31.800.000	32.400.000
3	Bậc Trung cấp hình thức đào tạo chính quy	18.500.000	18.800.000
4	Bậc Trung cấp hình thức đào tạo VLVH	27.800.000	28.300.000

- Đơn giá cho mỗi tín chỉ:

Đơn vị tính: đồng/tín chỉ

STT	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	Số tín chỉ tính bình quân mỗi năm	Đơn giá tín chỉ	
			2025 - 2026	2026 - 2027
1	Bậc Cao đẳng hình thức đào tạo chính quy	33,3	715.000	840.000
2	Bậc Cao đẳng hình thức đào tạo VLVH	27	1.150.000	1.200.000
3	Bậc Trung cấp hình thức đào tạo chính quy	33	560.000	570.000
4	Bậc Trung cấp hình thức đào tạo VLVH	27	1.030.000	1.050.000

1. Cao đẳng Khóa 24 mức thu học phí 23.800.000 đồng/ năm học 2026-2027.
2. Cao đẳng Khóa 25 mức thu học phí 23.800.000 đồng/ năm học 2026-2027.
3. Cao đẳng Khóa 26 mức thu học phí 28.000.000 đồng/ năm học 2026-2027.

IX- Người học tại Điểm đào tạo lưu học sinh diện tự túc:

Stt	Ngành, trình độ đào tạo	Năm học 2025-2026		Năm học 2026-2027		Năm học 2027-2028	
		Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)	Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)	Học phí/ năm học (đồng)	Học phí/ tháng (đồng)
1	Cao đẳng (Không phiên dịch, người học phải đạt chuẩn tiếng Việt đầu vào theo thông báo tuyển sinh)	27.000.000	2.700.000	27.000.000	2.700.000	27.000.000	2.700.000
2	Cao đẳng (Có phiên dịch)	40.000.000	4.000.000	40.000.000	4.000.000	40.000.000	4.000.000
3	Trung cấp (Không phiên dịch, người học phải đạt chuẩn tiếng Việt đầu vào theo thông báo tuyển sinh)	20.500.000	2.050.000	20.500.000	2.050.000	-	-
4	Trung cấp (Có phiên dịch)	32.500.000	3.250.000	32.500.000	3.250.000	-	-

Stt	Danh mục thu	Mức thu
1	Xét lại tốt nghiệp	400.000đ/1 lần
2	Cấp lại bản sao bằng tốt nghiệp	250.000đ/1 lần (05 bản)
3	Cấp lại bằng điểm học tập	200.000đ/1 lần (05 bản)
4	Cho thuê áo lễ tốt nghiệp	250.000đ/1 lần
5	Thi lại cải thiện điểm	200.000đ/1 môn thi lại
6	Hồ sơ tuyển sinh (ban hành chi tiết quy chế tuyển sinh)	70.000đ/hồ sơ
7	Thu khám sức khỏe người học (nếu có)	160.000đ/lần
8	Cấp mới thẻ sinh viên	50.000đ/thẻ
9	Cấp lại thẻ sinh viên	50.000đ/thẻ
10	Thu xét công nhận và miễn trừ nội dung học tập	100.000đ/môn học
11	Thu phúc khảo đối với hình thức thi trắc nghiệm trên giấy	50.000đ/môn thi
12	Hồ sơ xét tuyển dụng viên chức, người lao động (nhu cầu nhà trường Kế hoạch được Hiệu trưởng phê duyệt)	500.000đ/ứng viên/lần
13	Hội trường, phòng học, phòng máy, máy chiếu, máy vi tính, ..., dịch vụ khác thực hiện theo Đề án cho thuê.	
14	Thu ký túc xá	
+	Cấp mới thẻ nội trú	50.000đ/thẻ
+	Cấp lại thẻ nội trú	50.000đ/thẻ
+	Phòng quạt	1.600.000đ/phòng/4SV/tháng
+	Phòng điều hòa	2.000.000đ/phòng/4SV/tháng
+	Phòng lưu trú theo ngày	200.000đ/ngày
+	Phòng lưu trú theo giờ	50.000đ/2 giờ

X- Các khoản thu dịch vụ khác: Tại Trụ sở chính và Điểm đào tạo.